

Bản án số 105/2023/DS-PT
Ngày 22 – 8 – 2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Bà Mai Vương Thảo

Ông Trần Hoài Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22-8-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2023/TLPT-DS ngày 27-4-2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 28-3-2023 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2023/QĐ-PT ngày 05-7-2023; Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 162/2023/TLPT-DS ngày 27-7-2023; giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà **Quách Thị T**, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số 4x ngõ 5x phố A, phường A, quận B, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: 2xx C, phường D, quận Đ, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Đặng Thị H; sinh năm: 1995; vắng mặt;

- Bà Lương Nguyễn Thị S; sinh năm: 2001; có mặt;

Theo Giấy ủy quyền số 76xx.2022, Quyền số: 0x TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30-11-2022 tại Văn phòng công chứng V, TP. Hà Nội.

Cùng địa chỉ liên hệ: K0x/4x E, phường G, quận H, TP. Đà Nẵng

* ***Bị đơn:***

- Bà **Nguyễn Văn Phương Đ**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Khu I, tổ 5x, phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: 3xx M, phường N, quận Đ, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Ông **Quách Hữu M**, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 1xx M, phường O, quận Đ, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Thanh T1**, sinh năm 2000; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện R, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ liên hệ: 3xx S, phường T, quận U, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Quách Hữu M: Ông Nguyễn Cao H1; Luật sư của Công ty Luật TNHH K, thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: 3xx S, phường T, quận U, thành phố Đà Nẵng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Hiền G, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 7x ngõ x phố V, phường X, quận Y, thành phố Hà Nội; có đơn xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 7x ngõ x phố V, phường X, quận Y, thành phố Hà Nội; có đơn xét xử vắng mặt.

** Người kháng cáo:* Nguyên đơn - bà Quách Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Quách Thị T trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:*

Đầu năm 2011, vợ chồng ông M và bà Đ có mua 01 lô đất tại Khu I, tổ 5x, phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng với giá 810.000.000đ nên đã vay của Bà Tsố tiền 300.000.000đ.

Bà T đã cầm cố sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Z vay tạm 100.000.000đ và mượn tiền của chồng là ông Nguyễn Xuân S1 (đã mất) và con của bà T là chị Nguyễn Thị Thanh H2 mỗi người 100.000.000đ và chuyển vào tài khoản của ông M đủ số tiền 300.000.000đ.

Ngày 05-4-2011, ông M đại diện cho vợ chồng là bên vay đã ký “Giấy nhận nợ vay tiền” với thời hạn 05 năm tức đến ngày 05-4-2016; lãi suất vay tính theo lãi suất tiền lãi tiết kiệm 12 tháng thời vụ Ngân hàng Z, tiền lãi trả cuối kỳ, tiền gốc chia đều 05 năm trả dần. Trường hợp tiền lãi cuối kỳ chưa thanh toán thì sẽ được nhập vào tiền gốc để tính lãi cho năm tiếp theo, tương tự như cách tính lãi tiết kiệm của ngân hàng. Trường hợp bán nhà ở K trước hạn thì phải trả ngay toàn bộ gốc lãi cho bà T trong thời hạn 30 ngày.

Tuy nhiên, sau khi nhận nợ vay thì ông M, bà Đ cho đến nay chưa chịu trả tiền gốc và lãi cho bà T mặc dù đã quá thời hạn vay 05 năm. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Quách Hữu M và bà Nguyễn Văn Phương Đ phải trả nợ cho bà sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

Số tiền tạm tính từ ngày 04-5-2011 đến ngày 28-3-2023 tổng cộng là: 840.650.000đ; trong đó nợ gốc: 300.000.000đ, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: 150.000.000đ, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 194.450.000đ, tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: 196.200.000đ. Yêu cầu tính lãi theo hướng dẫn tại các điều 2, 5, 9, 10, 12 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Đề nghị Tòa án giải quyết tách 1/2 số nợ là 420.325.000đ để nguyên đơn thỏa thuận với ông M tại phiên tòa và buộc bà Đ có nghĩa vụ trả nợ một lần đối với 1/2 số nợ là 420.325.000đ.

** Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Quách Hữu M trình bày quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:*

Ông Quách Hữu M thừa nhận vào năm 2011, ông M và bà Đ có vay của bà Quách Thị T số tiền 300.000.000đ như nguyên đơn trình bày. Ông M đại diện vợ chồng để ký nhận “Giấy nhận nợ vay tiền” ngày 05/04/2011 và sử dụng tiền vay vào mục đích mua thửa đất tại Khu I, tổ 51, phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng nhưng cho đến nay chưa trả một đồng tiền gốc lãi nào vì thời điểm đó bà Đ là người nắm tài chính (giữ tiền) mà không muốn trả nợ, cho rằng bà T là chị ruột ông M giàu có rồi mà đây chỉ là số tiền nhỏ, trong khi ông M vẫn thường xuyên thúc giục. Đến khi khởi kiện ly hôn thì bà Đ chỉ đồng ý trả 1/2 số tiền nợ gốc (tức là 150 triệu trong tổng số 300 triệu nợ gốc) chứ không chịu trả lãi nhưng bà T không đồng ý.

Hơn nữa, số tiền vay nợ của bà T là để mua đất ở K trong thời kỳ hôn nhân và đến nay khi vợ chồng đã ly hôn, Tòa án tuyên chia đôi tài sản này, ông M nhận tiền mặt còn bà Đ nhận tài sản. Do đó món nợ (gốc, lãi) của bà T thì bà Đ phải chịu 1/2 là đương nhiên. Tuy nhiên, hiện nay bà Đ đã tẩu tán, bán tài sản này cho người thứ ba mà không trả nợ cho bà T là không được vì theo thỏa thuận ngày 04-5-2011 thì trường hợp bán tài sản ở K này thì trong vòng 30 ngày phải trả cả gốc và lãi cho bà Thanh.

Ông M đồng ý trả 1/2 nợ (gốc, lãi) vay cho bà T theo quy định pháp luật, 1/2 nợ (gốc, lãi) vay còn lại là nghĩa vụ của bà Đ vì hiện tại giữa ông M và bà Đ không còn quan hệ vợ chồng nên ông M không có nghĩa vụ phải gánh nợ thay (đồng trách nhiệm trả nợ) cho bà Đ.

** Bị đơn - bà Nguyễn Văn Phương Đ trình bày quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:*

Bà Đ xác nhận vào năm 2011, bà và ông M có vay bà T số tiền là 300.000.000đ, mục đích để mua nhà đất tại Khu I, tổ 51, phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng. Sau khi vay bà T chuyển khoản cho ông M và ông M đưa bà để bù đắp thêm tiền mua nhà. Thời điểm vay, các bên thỏa thuận không tính lãi suất và không viết giấy nhận nợ. Sau đó một thời gian ông M mới viết Giấy nhận nợ, nội dung sau này bà Đ mới biết, tuy nhiên khoản tiền này được dùng vào mục đích chung của gia đình nên đây là khoản nợ chung của bà và ông M.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Đ và ông M phải trả tổng số tiền tính đến ngày 28-3-2023 là 840.650.000đ; trong đó nợ gốc: 300.000.000đ, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: 150.000.000đ, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 194.450.000đ, tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: 196.200.000đ và đề nghị Tòa án tách 1/2 số nợ buộc bà Đ có nghĩa vụ trả nợ một lần số tiền 420.325.000đ thì bà Đ có nguyện vọng sẽ trả đủ cho bà T số tiền nợ gốc là 150.000.000đ. Đối với tiền lãi thì bà chỉ đồng ý trả số tiền 50.000.000đ do thời điểm vay tiền các bên không thỏa thuận tiền lãi và trước đây bà hoàn toàn không biết, không ký vào “Giấy nhận nợ vay tiền”. Tổng cộng bà sẽ trả cho bà T 200.000.000đ và mong bà T tạo điều kiện cho bà thêm thời gian để thu xếp tài chính trả dần vì hiện nay bà không có khả năng trả nợ ngay cho bà Thanh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hiền G và bà Nguyễn Thị Thanh H2 cùng trình bày:*

Thông nhất với với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Quách Hữu M và bà Nguyễn Văn Phương Đ phải đồng trách nhiệm trả nợ cho bà T sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Quách Hữu M và bà Nguyễn Văn Phương Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc 300.000.000đ cho bà Quách Thị T. Về yêu cầu trả tiền lãi, đề nghị chấp nhận yêu cầu về tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả của bà Quách Thị T đối với bà Nguyễn Văn Phương Đ và ông Quách Hữu M theo quy định của pháp luật; không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc ông M, bà Đ phải thanh toán tiền lãi trên nợ lãi chưa trả.

** Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 28-3-2023 như sau:*

Căn cứ vào: Các điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Quách Thị T về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là ông Quách Hữu M, bà Nguyễn Văn Phương Đ.

Buộc ông Quách Hữu M, bà Nguyễn Văn Phương Đ phải trả cho bà Quách Thị T số tiền: 621.263.000đ (Sáu trăm hai mươi một triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn chưa trả là 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng); tiền lãi quá hạn chưa trả là 186.236.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Chia phần, ông M và bà Đ mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền 310.631.500đ (Ba trăm mười triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc ông Quách Hữu M, bà Nguyễn Văn Phương Đ mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.531.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm ba mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quy định về thi hành án của các đương sự.

* *Đơn kháng cáo*: Ngày 10-4-2023, bà Quách Thị T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nói trên về Lãi suất vay trong Hợp đồng vay tài sản từ ngày 01-01-2017 đến ngày 28-3-2023.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng* phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Quách Thị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – bà Nguyễn Văn Phương Đ đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Hiền G và bà Nguyễn Thị Thanh H2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 28-3-2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng không có kháng cáo, kháng nghị về phần quyết định tuyên Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Quách Thị T về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là ông Quách Hữu M, bà Nguyễn Văn Phương Đ; Buộc ông Quách Hữu M, bà Nguyễn Văn Phương Đ phải trả cho bà Quách Thị T số tiền nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi trong hạn chưa trả là 135.000.000đ nên phần quyết định này có hiệu lực pháp luật.

[3] Bà Quách Thị T chỉ kháng cáo về phần quyết định về tiền lãi quá hạn chưa trả 186.236.000đ. Lý do của việc kháng cáo: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2; điểm a, b khoản 2 Điều 4; điểm b, c khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Toá án nhân dân tối cao thì lãi suất trong khoản thời gian này áp dụng theo Bộ luật Dân sự 2015 chứ không phải theo Bộ luật Dân sự 2005. Cụ thể:

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (từ ngày 01-01-2017 đến ngày 28-3-2023 là 06 năm 86 ngày): 150% lãi suất theo thoả thuận (tức là lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng tính từ ngày đầu năm) x thời gian quá hạn x 300.000.000đ là 177.046.027đ;

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả (từ ngày 01-01-2017 đến ngày 28-3-2023 là 6 năm 86 ngày) là: tổng số tiền lãi trong hạn (từ 04-5-2011 đến 04-5-2016) x 10% (Lãi suất theo khoản 2 Điều 468 BLDS 2015) x thời gian chậm trả là 84.180.822đ.

Theo cách tính này thì tiền lãi quá hạn chưa trả là 261.226.849đ chứ không phải 186.236.000đ như án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Hội đồng xét xử xét Đơn kháng cáo của bà Quách Thị T:

[4.1] Xét Giấy nhận nợ vay tiền ngày 04-5-2011 được lập giữa bên vay là ông Quách Hữu M và bên cho vay là bà Quách Thị T có nội dung: Bà T cho ông M vay số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay 05 năm, lãi suất năm đầu tiên là 14%/năm; lãi suất các năm tiếp theo tính theo lãi suất tiền lãi tiết kiệm 12 tháng thời vụ Ngân hàng Z, tiền lãi trả cuối kỳ, tiền gốc chia đều 05 năm trả dần. Trường hợp tiền lãi cuối kỳ chưa thanh toán thì sẽ được nhập vào tiền gốc để tính lãi cho năm tiếp theo. Trường hợp bán nhà K trước hạn thì phải trả ngay toàn bộ gốc lãi cho bà T trong thời hạn 30 ngày.

Đây là loại Hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi.

Hợp đồng vay ngày 04-5-2011, bên vay chưa thanh toán nên thuộc trường hợp hợp đồng đang được thực hiện và việc tính lãi được áp dụng theo điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019.

Tuy nhiên, do hợp đồng vay thoả thuận có nội dung về “*Trường hợp tiền lãi cuối kỳ chưa thanh toán thì sẽ được nhập vào tiền gốc để tính lãi cho năm tiếp theo.*” Đây là thoả thuận không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4.2] Hợp đồng vay tài sản này chỉ có ông Quách Hữu M ký thoả thuận, bà Nguyễn Văn Phương Đ không tham gia và nay khi có tranh chấp xảy ra, bà Đ vẫn xác định đây là khoản nợ chung của bà và ông M trong thời kỳ hôn nhân nên bà cũng đồng ý trả, đồng thời bà cho rằng khi vay tiền không có thoả thuận về lãi suất như Giấy nhận nợ vay tiền mà bà T làm căn cứ khởi kiện. Đây là trường hợp các đương sự có thoả thuận về lãi suất nhưng có tranh chấp nên lãi suất thoả thuận tại hợp đồng không được áp dụng mà tính lãi áp dụng theo khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 với mức lãi suất 9%/năm.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tính lãi suất với mức 9%/năm cho toàn bộ thời gian chậm trả là đúng pháp luật.

Bà Quách Thị T kháng cáo yêu cầu tính lãi trên lãi chậm trả, lãi trên nợ gốc quá hạn nêu tại đơn kháng cáo là không phù hợp pháp luật.

Ngoài ra, bà T cho rằng giữa bà T và ông M thoả thuận được với nhau về việc giải quyết phần nghĩa vụ của ông M nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà Đ không đồng ý, còn tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ không có mặt nên các bên đương sự không thể thoả thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Do đó, Tòa án không công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự để giảm tiền án phí sơ thẩm như yêu cầu của bà T.

Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Quách Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm bà Quách Thị T phải chịu do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên, bà T thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được Hội đồng xét xử xét miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 296, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận Đơn kháng cáo của Nguyên đơn bà Quách Thị T.

I. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 28-3-2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (về phần tiền lãi):

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Quách Thị T về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là ông Quách Hữu M, bà Nguyễn Văn Phương Đ.

Buộc ông Quách Hữu M, bà Nguyễn Văn Phương Đ phải trả cho bà Quách Thị T số tiền: 621.263.000đ (Sáu trăm hai mươi một triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn chưa trả là 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng); tiền lãi quá hạn chưa trả là 186.236.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Chia phần, ông M và bà Đ mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền 310.631.500đ (Ba trăm mười triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc ông Quách Hữu M, bà Nguyễn Văn Phương Đ mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.531.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm ba mươi một nghìn đồng).

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Quách Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); nhưng được miễn án phí.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Thanh Khê, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai

